

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10-VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28/8/2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10-VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thúy Liễu.

Ông Huỳnh Văn Inh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Khởi, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Phúc Đức, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10-Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 326/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Dư Thị X, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 12/3/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Dư Thị X trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn L tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã Long Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh (nay là xã Long Hòa, tỉnh Vĩnh Long). Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, hai người có 03 con chung Nguyễn Phước T sinh ngày 17/3/2001, Nguyễn Phước A sinh ngày 23/11/2003 và Nguyễn Phước B sinh ngày 29/3/2012. Nhưng từ năm 2023 bà và ông L xảy ra nhiều mâu thuẫn do ông L không chăm lo cho vợ con dẫn tới tình cảm rạn nứt, hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà

X đã cùng 03 người con về nhà cha mẹ ruột sinh sống hơn 01 năm nay. Nay bà X yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

Về con chung: Nguyễn Phước T sinh ngày 17/3/2001 và Nguyễn Phước A sinh ngày 23/11/2003 đã trưởng thành; Nguyễn Phước B sinh ngày 29/3/2012 hiện đang sống cùng bà và bà X yêu cầu quyền nuôi con, không yêu cầu ông L cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không có tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết.

* Tai biên bản lấy lời khai ngày 28/4/2025 bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày: Nay ông không đồng ý ly hôn với bà Dư Thị X vì hiện tại các con còn nhỏ để lo cho ăn học và vấn đề ly hôn là ý kiến bà X chứ ông không có ý kiến. Từ lúc ly thân đến nay hai bên không có liên lạc với nhau và ông xin vắng mặt ở các lần Tòa án mời. Về con chung Nguyễn Phước T sinh ngày 17/3/2001 và Nguyễn Phước A sinh ngày 23/11/2003 đã trưởng thành; Nguyễn Phước B sinh ngày 29/3/2012 hiện đang sống cùng bà X thì tùy theo nguyện vọng của con muốn sống với ai. Tài sản chung và nợ chung không có và không có tranh chấp.

* Con chung Nguyễn Phước T trình bày tại bản tự khai ngày 24/4/2025: Nguyện vọng là được sống chung với mẹ Dư Thị X và xin vắng mặt.

* Sau khi thụ lý, Tòa án nhân dân khu vực 10-Vĩnh Long đã thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự hòa giải, có cơ hội hàn gắn tình cảm và đoàn tụ. Tuy nhiên tại phiên họp, hòa giải nguyên đơn bà Xuân có mặt bị đơn ông L đều vắng mặt nên không tiến hành việc hòa giải được. Do đó Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Dư Thị X giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông Nguyễn Văn L vắng mặt không lý do.

* Kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dư Thị X, cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn L. Con chung Nguyễn Phước T sinh ngày 17/3/2001 và Nguyễn Phước A sinh ngày 23/11/2003 đã trưởng thành và Nguyễn Phước B sinh ngày 29/3/2012 giao cho bà X quyền nuôi dưỡng, bà X không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét. Tài sản chung, nợ chung bà X xác định không có, không tranh chấp nên không xem xét. Án phí nguyên đơn bà X phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Bà Dư Thị X khởi kiện yêu cầu giải quyết được ly hôn ông Nguyễn Văn L, ông L có nơi cư trú tại ấp Bà T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long). Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10-Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về đưa người tham gia tố tụng và hòa giải: Căn cứ đơn khởi kiện, Tòa án đưa bị đơn là ông Nguyễn Văn L tham gia tố tụng, thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên không tiến hành hòa giải được do ông L vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa bà X có mặt, ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông L.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Năm 2002 bà Dư Thị X và ông Nguyễn Văn L kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Long Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh (nay là xã Long Hòa, tỉnh Vĩnh Long) nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong quá trình sống chung bà X trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2023, nguyên nhân bà và ông L xảy ra nhiều mâu thuẫn do ông L không chăm lo cho vợ con dẫn tới tình cảm rạn nứt, hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà X đã cùng 03 người con về nhà cha mẹ ruột sinh sống hơn 01 năm nay. Vì mâu thuẫn kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, không thể duy trì quan hệ hôn nhân nên bà X yêu cầu được ly hôn với ông L.

Xét yêu cầu của bà X cũng như quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông L biết nhưng vẫn không đến, như vậy chứng minh ông L không có thiện chí mong muốn đoàn tụ, hàn gắn tình cảm với bà X. Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/4/2025 thì ông L cho biết ông không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà X, đối với con chung Nguyễn Phước B sinh ngày 29/3/2012 thì tùy theo nguyện vọng của con muốn sống với ai, ông và bà X không có tài sản chung và không có nợ chung. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm của bà X và ông L không còn, hai người ly thân từ đầu năm 2024 đến nay bỏ mặc nhau, không yêu thương giúp đỡ nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên căn cứ Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà Dư Thị X.

[3.2] Về con chung: Nguyễn Phước T sinh ngày 17/3/2001 và Nguyễn Phước A sinh ngày 23/11/2003 đã trưởng thành và Nguyễn Phước B sinh ngày 29/3/2012 hiện đang sống cùng bà X và bà X có yêu cầu quyền nuôi dưỡng (phù hợp với

nguyện vọng của cháu B). Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy giao con chung Nguyễn Phước B cho bà Dư Thị X quyền nuôi dưỡng là phù hợp với yêu cầu bà X và nguyện vọng của cháu B.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Dư Thị X không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Dư Thị X và ông Nguyễn Văn L xác định không có, không tranh chấp, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Dư Thị X phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dư Thị X.

Về hôn nhân: Cho bà Dư Thị X được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

Về con chung: Nguyễn Phước T sinh ngày 17/3/2001 và Nguyễn Phước A sinh ngày 23/11/2003 đã trưởng thành không bị nhược điểm thể chất, tâm thần. và Nguyễn Phước B sinh ngày 29/3/2012 giao cho bà Dư Thị X quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Dư Thị X không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Dư Thị X và ông Nguyễn Văn L xác định không có, không tranh chấp, nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Dư Thị X phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0009988 ngày 12/3/2025 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

3. Án xử sơ thẩm công khai, báo cho nguyên đơn có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND KV10-Vĩnh Long;
- Phòng THADS KV10-Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Nguyễn Thị Liên

